**BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO**
**TRƯỜNG ĐAI HỌC DUY TÂN**

**DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT THÁNG 12/2021**
**CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN NÂNG CAO**
**MÔN THI: KIẾN THỨC CHUNG**

*Thời gian : 13h00* **-** *15/12/2021 - Phòng :* **129 - Cơ sở 209 Phan Thanh**

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ | TÊN | NGÀY SINH | NƠI SINH | LỚP | DL BT | SỐ MÁY | KÝ TÊN | ĐIỂM | | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | SỐ | CHỮ | |
| 1 | 23202212919 | Nguyễn Thị Bích | Đào | 22/03/1999 | Huế | 26CYC4 | | | | | | |
| 2 | 24201402766 | Phạm Thị Hồng | Hạnh | 09/11/2000 | Đắk Lắk | 26CYC4 | | | | | | |
| 3 | 23207111305 | Phan Thị Tuyết | Hảo | 27/05/1999 | Đà Nẵng | 26CYC4 | | | | | | |
| 4 | 2320711837 | Mai Thị Hồng | Huệ | 27/12/1999 | Đà Nẵng | 26CYC4 | | | | | | |
| 5 | 23203111443 | Trần Thị Thu | Hương | 05/04/1999 | Bình Định | 26CYC4 | | | | | | |
| 6 | 2320311248 | Nguyễn Thùy Băng | Châu | 10/02/1997 | Đà Nẵng | 26TSC6 | | | | | | Thi ghép |
| 7 | 23203112923 | Hồ Viết Thùy | Duyên | 29/10/1999 | Đồng Nai | 26TSC6 | | | | | | Thi ghép |
| 8 | 2320512576 | Lê Thị Trà | My | 25/03/1999 | Bình Định | 26TSC6 | | | | | | Thi ghép |
| 9 | 2320717126 | Trần Thị Minh | Thư | 24/03/1999 | Gia Lai | 26TSC6 | | | | | | Thi ghép |
| 10 | 2320259912 | Đoạn Thị Kiều | Trinh | 28/05/1999 | Quảng Trị | 26TSC7 | | | | | | Thi ghép |
| 11 | 2320519542 | Trần Thị Thúy | Hiền | 12/10/1999 | DakLak | 26TYC3 | | | | | | Thi ghép |
| 12 | 23205111559 | Trần Thị Ánh | Nhật | 11/07/1999 | Gia Lai | 26TYC3 | | | | | | Thi ghép |
| 13 | 232071103923 | Huỳnh Thị Phương | Thư | 02/07/1999 | Đà Nẵng | 26TYC5 | | | | | | Thi ghép |
| 14 | 2320713612 | Trần Thị Thanh | Tuyền | 25/10/1999 | Vũng Tàu | 26TYC5 | | | | | | Thi ghép |
| 15 | 2321724555 | Nguyễn Nguyên | Hoàn | 24/12/1999 | Đà Nẵng | 26TYC6 | | | | | | Thi ghép |
| 16 | 2320529340 | Nguyễn Thị Nhật | Lệ | 12/03/1999 | Gia Lai | 26TYC6 | | | | | | Thi ghép |
| 17 | 2320716452 | Huỳnh Cẩm | Ly | 06/07/1999 | Bình Định | 26TYC7 | | | | | | Thi ghép |
| 18 | 23205111126 | Lê Thị Lan | Anh | 28/08/1999 | Quảng Ngãi | 26TYC8 | | | | | | Thi ghép |

*Số học viên vắng : .....; Số học viên đình chỉ : .....; Số bài thi : .....; Số tờ : .....*

**LẬP BẢNG** **GIÁM THỊ 1, 2, 3** **GIÁM KHẢO 1, 2** **TT TIN HỌC DUY TÂN**

**BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO**
**TRƯỜNG ĐAI HỌC DUY TÂN**

**DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT THÁNG 12/2021**
**CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN NÂNG CAO**
**MÔN THI: KIẾN THỨC CHUNG**

*Thời gian : 13h00* **-** *15/12/2021* *- Phòng :* **128 - Cơ sở 209 Phan Thanh**

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ | TÊN | NGÀY SINH | NƠI SINH | LỚP | DL BT | SỐ MÁY | KÝ TÊN | ĐIỂM | | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | SỐ | CHỮ | |
| 1 | 23207112099 | Trần Thị Liên | Hương | 06/04/1996 | Đà Nẵng | 26CYC4 | | | | | | Nợ Cơ bản |
| 2 | 23203111735 | Nguyễn Thị Ngọc | Huyền | 22/02/1999 | Gia Lai | 26CYC4 | | | | | | |
| 3 | 2320711587 | Trần Thị Minh | Khánh | 28/03/1999 | Đà Nẵng | 26CYC4 | | | | | | |
| 4 | 24202607785 | Trương Thị Lương | Lương | 07/12/2000 | Kon Tum | 26CYC4 | | | | | | |
| 5 | 2320240678 | Huỳnh Ngọc Uyển | My | 11/03/1999 | Đà Nẵng | 26CYC4 | | | | | | |
| 6 | 24203106701 | Đỗ Thị Cẩm | Nhung | 04/12/2000 | Quảng Nam | 26CYC4 | | | | | | |
| 7 | 24203112221 | Nguyễn Thị | Ni | 02/01/2000 | Quảng Nam | 26CYC4 | | | | | | Nợ Cơ bản |
| 8 | 1920255483 | Phạm Thị Minh | Hằng | 10/11/1995 | Quảng Nam | 26SBN3 | | | | | | Nợ Cơ bản |
| 9 | 24207102730 | Đoàn Nguyễn Kim | Hoàng | 21/09/2000 | Quảng Nam | 26SBN3 | | | | | | |
| 10 | 2320724556 | Nguyễn Thị Bích | Huệ | 17/08/1999 | Đà Nẵng | 26SBN3 | | | | | | |
| 11 | 2221522800 | Lê Nhật | Minh | 18/08/1998 | Quảng Nam | 26SBN3 | | | | | | Nợ Cơ bản |
| 12 | 24205211805 | Lê Hồ | Nguyên | 28/02/2000 | Quảng Nam | 26SBN3 | | | | | | |
| 13 | 2220523160 | Nguyễn Thị | Nhân | 13/09/1998 | Quảng Nam | 26SBN3 | | | | | | |
| 14 | 2320216151 | Phan Nguyên Uyên | Nhi | 01/01/1999 | Đà Nẵng | 26SBN3 | | | | | | |
| 15 | 24205203651 | Tạ Trần Thục | Nhi | 12/07/2000 | Quảng Ngãi | 26SBN3 | | | | | | Nợ Cơ bản |
| 16 | 24207104265 | Lê Phạm Hoàng | Ni | 29/01/2000 | Đà Nẵng | 26SBN3 | | | | | | |
| 17 | 2321158399 | Tống Đức Phi | Long | 15/05/1999 | Quảng Ngãi | 26TYC8 | | | | | | Thi ghép |
| 18 | 24202201385 | Hứa Hồng My | My | 09/01/2000 | Quảng Ngãi | 26TYC8 | | | | | | Thi ghép |

*Số học viên vắng : .....; Số học viên đình chỉ : .....; Số bài thi : .....; Số tờ : .....*

**LẬP BẢNG** **GIÁM THỊ 1, 2, 3** **GIÁM KHẢO 1, 2** **TT TIN HỌC DUY TÂN**

**BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO**
**TRƯỜNG ĐAI HỌC DUY TÂN**

**DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT THÁNG 12/2021**
**CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN NÂNG CAO**
**MÔN THI: KIẾN THỨC CHUNG**

*Thời gian : 13h00* **-** *15/12/2021* *- Phòng :* **207 - Cơ sở 209 Phan Thanh**

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ | TÊN | NGÀY SINH | NƠI SINH | LỚP | DL BT | SỐ MÁY | KÝ TÊN | ĐIỂM | | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | | | | SỐ | CHỮ | |
| 1 | 24217100002 | Nguyễn Văn | Pháp | 23/10/2000 | ĐăkLăk | 26SBN3 | | | | | | |
| 2 | 2320310610 | Phạm Thị Lan | Anh | 14/01/1999 | Hà Tĩnh | 26THT11 | | | | | | |
| 3 | 2321158390 | Lê Văn | Anh | 21/02/1999 | TT Huế | 26THT11 | | | | | | |
| 4 | 24205206516 | Hồ Thanh Lan | Anh | 25/06/2000 | Đà Nẵng | 26THT11 | | | | | | |
| 5 | 24202608864 | Đặng Thị Thanh | Bình | 18/06/2000 | Quảng Nam | 26THT11 | | | | | | |
| 6 | 2321618533 | Ngô Duy | Đoan | 14/06/1997 | Quảng Ngãi | 26THT11 | | | | | | |
| 7 | 2321711337 | Tạ Quang | Hưng | 22/11/1999 | Đà Nẵng | 26THT11 | | | | | | |
| 8 | 2321175118 | Nguyễn Viết | Khánh | 20/01/1999 | Quảng Bình | 26THT11 | | | | | | |
| 9 | 23203110158 | Lê Hoàng Nhật | Linh | 10/07/1999 | Khánh Hòa | 26THT11 | | | | | | Nợ Cơ bản |
| 10 | 23213110446 | Nguyễn Hữu | Lộc | 09/05/1999 | Gia Lai | 26THT11 | | | | | | Nợ Cơ bản |
| 11 | 24207207859 | Dương Thị Ly | Na | 22/09/2000 | Quảng Nam | 26THT11 | | | | | | |
| 12 | 24208601374 | Lê Thị Thúy | Nga | 28/01/2000 | Gia Lai | 26THT11 | | | | | | |
| 13 | 24202607454 | Nguyễn Thị Bích | Ngọc | 12/03/2000 | Quảng Trị | 26THT11 | | | | | | Nợ Cơ bản |
| 14 | 2221123649 | Nguyễn Quang | Nhật | 24/03/1998 | Đà Nẵng | 26THT11 | | | | | | Nợ Cơ bản |
| 15 | 24202516764 | Huỳnh Thị Mỹ | Oanh | 01/05/1999 | Quảng Nam | 26THT11 | | | | | | |
| 16 | 24207215446 | Đoàn Thị Kiều | Oanh | 26/08/2000 | Quảng Nam | 26THT11 | | | | | | |
| 17 | 24202615685 | Nguyễn Hồng | Phúc | 25/12/2000 | Đà Nẵng | 26THT11 | | | | | | |

*Số học viên vắng : .....; Số học viên đình chỉ : .....; Số bài thi : .....; Số tờ : .....*

**LẬP BẢNG** **GIÁM THỊ 1, 2, 3** **GIÁM KHẢO 1, 2** **TT TIN HỌC DUY TÂN**